

[illegible]

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Ti vi summy	Cái	1				18.182						
II	Tài sản giao mới						118.000						
4	Tài sản cố định khác						118.000						
	Hệ thống camera	bộ	1				118.000	Chi định thầu					
IV	Tài sản từ nguồn viện trợ, quà biếu, tặng cho (nếu có)						669.870						
4	Tài sản cố định khác						669.870						
	Bảng phần tử	Cái	1				3.420						
	Bảng tương tác thông minh	bộ	1				31.500						
	Bảng tương tác thông minh	bộ	1				31.500						
	Bộ các năng lượng tái tạo	Bộ	1				31.500						
	Bộ hoá chất Hoá 12 (GV + HS)	Bộ	1				11.250						
	Cảm biến	bộ	6				81.000						
	Cảm biến độ ẩm	Bộ	12				162.000						
	Cảm biến PH	bộ	1				26.100						
	Cảm biến phễu dung kế		1				13.500						
	Cảm biến quang phổ phân tích		1				49.500						
	Máy chiếu gần		1				16.200						
	Máy chiếu gần	Cái	1				16.200						
	Máy thu hình vật thể	bộ	1				17.100						
	Máy thu hình vật thể	bộ	1				17.100						
	Nguồn Laser có phim quang học	Bộ	1				13.500						
	Thiết bị xử lý dữ liệu và hiển thị kết quả thí nghiệm	Cái	1				49.500						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Thiết bị xử lý dữ liệu và hiển thị kết quả thí nghiệm	bộ	1				49.500						
	Thiết bị xử lý dữ liệu và hiển thị kết quả thí nghiệm	bộ	1				49.500						
V	Tài sản có phương thức hình thành khác						729.450						
4	Tài sản cố định khác						729.450						
	Amplify	cái	1				16.650						
	Bảng tương tác thông minh	bộ	1				31.500						
	Bộ dụng cụ đo nhịp thở có cảm biến áp suất	bộ	1				13.500						
	Cảm biến độ ẩm		1				13.500						
	Cảm biến ghi nhịp cơ tim	bộ	1				13.500						
	Cảm biến phóng đại vật thể 200x	bộ	1				10.800						
	Máy chiếu gần	Cái	1				16.200						
	Máy chiếu gần	Cái	1				16.200						
	Máy chiếu gần	Cái	1				16.200						
	Máy chủ của giáo viên	Cái	1				17.100						
	Máy điều hoà 2HP	Bộ	4				86.400						
	Máy thu hình vật thể	bộ	1				17.100						
	Máy vi tính học sinh	bộ	40				460.800						
	Tổng cộng						1.808.229						

Ngày 28 tháng 01 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Hoàng Linh

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Củ Chi
Mã đơn vị: 1073929
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2022

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú	
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác		
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
1	Đất trường học tại tỉnh lộ 8, khu phố 1, thị trấn Củ Chi, huyện Củ Chi, Tp.HCM	20.706	22.958.813		19.575		1.131															
2	Nhà cấp 3									2012	15.956	41.683.849	30.220.791		15.956							
	Tổng cộng:	20.706	22.958.813		19.575		1.131				15.956	41.683.849	30.220.791		15.956							

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)



Ngày 28 tháng 01 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)




Trần Hoàng Linh

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số 09c-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Củ Chi

Mã đơn vị: 1073929

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC

Năm 2022

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
I	Tài sản cố định khác		308	26.462.129	24.651.427	1.810.702	21.594.290							
1	Amplify	Phòng bán trú	1	16.650		16.650	13.320							
2	Bàn họp Oval 50 chỗ	Phòng hội đồng	1	20.000	20.000									
3	Bảng phần tử	PHÒNG GIÁO DỤC CÔNG DÂN	1	3.420		3.420	3.078							x
4	Bảng tương tác thông minh	PHÒNG BỘ MÔN HOÁ	1	31.500		31.500	27.563							x
5	Bảng tương tác thông minh	PHÒNG BỘ MÔN SINH	1	31.500		31.500	28.350							x
6	Bảng tương tác thông minh	PHÒNG BỘ MÔN LÝ	1	31.500		31.500	25.200							x
7	Bộ các năng lượng tái tạo	PHÒNG BỘ MÔN LÝ	1	31.500		31.500	27.563							x
8	Bộ dụng cụ đo nhịp thở có cảm biến áp suất	PHÒNG BỘ MÔN SINH	1	13.500		13.500	12.150							x
9	Bộ hoá chất Hoá 12 (GV + HS)	PHÒNG BỘ MÔN HOÁ	1	11.250		11.250	9.844							x
10	Cảm biến	PHÒNG BỘ MÔN HOÁ	6	81.000		81.000	70.875							x
11	Cảm biến độ ẩm	PHÒNG BỘ MÔN LÝ	12	162.000		162.000	141.750							x
12	Cảm biến độ ẩm	PHÒNG BỘ MÔN SINH	1	13.500		13.500	12.150							x
13	Cảm biến ghi nhịp cơ tim	PHÒNG BỘ MÔN SINH	1	13.500		13.500	12.150							x
14	Cảm biến PH	PHÒNG BỘ MÔN HOÁ	1	26.100		26.100	22.838							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
15	Cảm biến phổ dung kế	PHÒNG BỘ MÔN SINH	1	13.500		13.500	12.150							x
16	Cảm biến phóng đại vật thể 200x	PHÒNG BỘ MÔN SINH	1	10.800		10.800	9.720							x
17	Cảm biến quang phổ phân tích	PHÒNG BỘ MÔN HOÁ	1	49.500		49.500	43.313							x
18	Điện thoại nội bộ	Phòng y tế	1	25.590	25.590									
19	Hệ thống âm thanh	Phòng Hội trường	1	30.000	30.000									
20	Hệ thống âm thanh phòng họp trực tuyến	Phòng họp trực tuyến	1	6.923	6.923									
21	Hệ thống âm thanh phòng họp trực tuyến	Phòng họp trực tuyến	1	6.923	6.923									
22	Hệ thống âm thanh phòng họp trực tuyến	Phòng họp trực tuyến	1	6.923	6.923									
23	Hệ thống âm thanh phòng họp trực tuyến	Phòng họp trực tuyến	1	6.923	6.923									
24	Hệ thống âm thanh phòng họp trực tuyến	Phòng họp trực tuyến	1	6.923	6.923									
25	Hệ thống Camera	Phòng khách	1	33.342	33.342									
26	Hệ thống camera	Trường THPT Củ Chi	1	118.000	118.000		103.250							
27	Hệ thống máy chiếu	Phòng Hội trường	1	108.000	108.000									
28	Hệ thống phát thanh gồm:	Phòng khách	1	20.000	20.000									
29	Loa điện Dalton TS-18A1500	Phòng đoàn thanh niên	1	12.270		12.270	4.908							
30	Máy chiếu	Phòng thí nghiệm hóa	1	8.000	8.000									
31	Máy chiếu + màn chiếu	Phòng học 213	1	21.000	21.000									
32	Máy chiếu + màn chiếu	Phòng học 212	1	21.000	21.000									
33	Máy chiếu + màn chiếu	Phòng học 211	1	21.000	21.000									
34	Máy chiếu + màn chiếu	Phòng học 215	1	21.000	21.000									
35	Máy chiếu + màn chiếu	Phòng học 214	1	21.000	21.000									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
36	Máy chiếu gần	PHÒNG BỘ MÔN LÝ	1	16.200		16.200	12.960							x
37	Máy chiếu gần	PHÒNG BỘ MÔN SINH	1	16.200		16.200	12.960							x
38	Máy chiếu gần	Phòng vi tính	1	16.200		16.200	12.960							x
39	Máy chiếu gần	PHÒNG BỘ MÔN HOÁ	1	16.200		16.200	12.960							x
40	Máy chiếu gần	PHÒNG BỘ MÔN NGOẠI NGỮ	1	16.200		16.200	12.960							x
41	Máy chiếu Sony VPL - EX230 + màn chiếu Wall Dalite	Phòng học 113	1	22.135	22.135									
42	Máy chiếu Sony VPL - EX230 + màn chiếu Wall Dalite	Phòng học 115	1	22.135	22.135									
43	Máy chiếu Sony VPL - EX230 + màn chiếu Wall Dalite	Phòng học 107	1	22.135	22.135									
44	Máy chiếu Sony VPL - EX230 + màn chiếu Wall Dalite	Phòng học 105	1	22.135	22.135									
45	Máy chiếu Sony VPL - EX230 + màn chiếu Wall Dalite	Phòng học 110	1	22.135	22.135									
46	Máy chiếu Sony VPL - EX230 + màn chiếu Wall Dalite	Phòng học 109	1	22.135	22.135									
47	Máy chiếu Sony VPL - EX230 + màn chiếu Wall Dalite	Phòng học 114	1	22.135	22.135									
48	Máy chiếu Sony VPL - EX230 + màn chiếu Wall Dalite	Phòng học 103	1	22.135	22.135									
49	Máy chiếu Sony VPL - EX230 + màn chiếu Wall Dalite	Phòng học 111	1	22.135	22.135									
50	Máy chiếu Sony VPL - EX230 + màn chiếu Wall Dalite	Phòng học 102	1	22.135	22.135									
51	Máy chiếu Sony VPL - EX230 + màn chiếu Wall Dalite	Phòng học 106	1	22.135	22.135									
52	Máy chiếu Sony VPL - EX230 + màn chiếu Wall Dalite	Phòng học 104	1	22.135	22.135									
53	Máy chiếu Sony VPL - EX230 + màn chiếu Wall Dalite	Phòng học 101	1	22.135	22.135									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
54	Máy chiếu Sony VPL - EX230 + màn chiếu Wall Dalite	Phòng học 112	1	22.135	22.135									
55	Máy chiếu Sony VPL - EX230 + màn chiếu Wall Dalite	Phòng học 108	1	22.135	22.135									
56	Máy chủ của giáo viên	Phòng vi tính	1	17.100		17.100	13.680							x
57	Máy đếm tiền Xiudun 6688W	Phòng thủ quỹ	1	9.557	9.557									
58	Máy điều hòa	Phòng phó hiệu trưởng 1	1	13.000	13.000									
59	Máy điều hòa	Phòng Lab	1	13.000	13.000									
60	Máy điều hòa	Phòng Lab	1	13.000	13.000									
61	Máy điều hòa	Phòng vi tính học sinh 1	1	13.000	13.000									
62	Máy điều hòa	Phòng vi tính học sinh 1	1	13.000	13.000									
63	Máy điều hòa	Phòng vi tính học sinh 2	1	13.000	13.000									
64	Máy điều hòa	Phòng vi tính học sinh 2	1	13.000	13.000									
65	Máy điều hòa	Phòng phó hiệu trưởng 2	1	13.000	13.000									
66	Máy điều hoà 2HP	Phòng vi tính	4	86.400		86.400	75.600							x
67	Máy điều hòa Panasonic	Phòng thủ quỹ	1	18.500	18.500									
68	Máy điều hòa Panasonic	Phòng hiệu trưởng	1	13.000	13.000									
69	Máy hủy giấy	Phòng kế toán	1	5.000	5.000									
70	Máy in	Phòng kế toán	1	38.660	38.660									
71	Máy in	Phòng y tế	1	6.000	6.000									
72	Máy in	Phòng chi bộ	1	6.000	6.000									
73	Máy in	Phòng chi bộ	1	12.000	12.000									
74	Máy in	Phòng giám thị	1	6.000	6.000									
75	Máy in	Phòng thư viện	1	6.000	6.000									
76	Máy in laser Hp	Phòng chi bộ	1	6.000	6.000									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
77	Máy in A3 HP	Phòng truyền thống	1	24.000	24.000									
78	Máy lạnh Panasonic	Phòng họp trực tuyến	1	15.911	15.911									
79	Máy lạnh Panasonic	Phòng học vụ	1	17.000	17.000									
80	Máy lạnh Panasonic	Phòng kế toán	1	11.745	11.745									
81	Máy lạnh Panasonic	Phòng hội đồng	1	16.520	16.520									
82	Máy lạnh Panasonic	Phòng hội đồng	1	16.520	16.520									
83	Máy lạnh phòng y tế Panasonic	Phòng y tế	1	15.911	15.911									
84	Máy lạnh Tosiba	Kho thiết bị	1	17.000	17.000									
85	Máy Laptop Dell Latilude E6400	Phòng phó hiệu trưởng 2	1	12.000	12.000									
86	Máy Laptop Dell Vostro 2421	Phòng phó hiệu trưởng 2	1	12.500	12.500									
87	Máy Laptop HP Pavillion Notebook 14-ab151TX	Phòng phó hiệu trưởng 2	1	19.992	19.992									
88	Máy Laptop HP Pavillion Notebook 14-ab151TX	Phòng phó hiệu trưởng 2	1	19.992	19.992									
89	Máy Laptop HP Pavillion Notebook 14-ab151TX	Phòng phó hiệu trưởng 2	1	19.992	19.992									
90	Máy photocopy	Phòng kế toán	1	45.000	45.000									
91	Máy photocopy (siêu tốc)	Phòng truyền thống	1	200.000	200.000									
92	Máy photocopy Bizhub	Phòng phó hiệu trưởng 2	1	84.928		84.928	42.464							
93	Máy Scan Canon	Phòng truyền thống	1	15.000	15.000									
94	Máy tập bắn	Kho quốc phòng	1	18.500	18.500									
95	Máy tập bắn	Kho quốc phòng	1	18.500	18.500									
96	Máy tập bắn MBT-03 model SH2/GDQP (gồm 2 bộ tập, 2 khẩu súng AK, 2 Laptop chuyên dùng)	Kho quốc phòng	1	48.300	48.300									
97	Máy thu hình vật thể	PHÒNG BỘ MÔN SINH	1	17.100		17.100	15.390							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
98	Máy thu hình vật thể	PHÒNG BỘ MÔN HOÁ	1	17.100		17.100	14.963							x
99	Máy thu hình vật thể	PHÒNG BỘ MÔN LÝ	1	17.100		17.100	14.963							x
100	Máy tính	Phòng phó hiệu trưởng 2	1	8.000	8.000									
101	Máy tính	Phòng Lab	1	9.000	9.000									
102	Máy tính	Phòng phó hiệu trưởng 2	1	8.000	8.000									
103	Máy tính	Phòng truyền thống	1	8.000	8.000									
104	Máy tính chấm trắc nghiệm	Phòng truyền thống	1	8.000	8.000									
105	Máy vi tính	Phòng vi tính học sinh 1	1	9.000	9.000									
106	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
107	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
108	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
109	Máy vi tính	Phòng chỉ bộ	1	9.000	9.000									
110	Máy vi tính	Phòng vi tính học sinh 1	1	8.000	8.000									
111	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
112	Máy vi tính	Phòng thư viện	1	5.000	5.000									
113	Máy vi tính	Kho quốc phòng	1	8.000	8.000									
114	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
115	Máy vi tính	Phòng thí nghiệm hóa	1	6.000	6.000									
116	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
117	Máy vi tính	Phòng chỉ bộ	1	9.000	9.000									
118	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
119	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
120	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
121	Máy vi tính	Phòng hiệu trưởng	1	8.000	8.000									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
122	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
123	Máy vi tính	Phòng thư viện	1	5.000	5.000									
124	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
125	Máy vi tính	Phòng học vụ	1	8.000	8.000									
126	Máy vi tính	Phòng phó hiệu trưởng 1	1	8.000	8.000									
127	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
128	Máy vi tính	Phòng thư viện	1	5.000	5.000									
129	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
130	Máy vi tính	Phòng tư vấn	1	9.000	9.000									
131	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
132	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
133	Máy vi tính	Phòng kế toán	1	17.865	17.865									
134	Máy vi tính	Phòng thư viện	1	5.000	5.000									
135	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
136	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
137	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
138	Máy vi tính	Phòng thư viện	1	5.000	5.000									
139	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
140	Máy vi tính	Phòng thư viện	1	5.000	5.000									
141	Máy vi tính	Phòng công đoàn	1	8.000	8.000									
142	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
143	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
144	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
145	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
146	Máy vi tính	Phòng thủ quỹ	1	8.000	8.000									
147	Máy vi tính	Phòng y tế	1	8.000	8.000									
148	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
149	Máy vi tính	Kho lưu trữ hồ sơ	1	9.000	9.000									
150	Máy vi tính (ce E3400)	Phòng vi tính học sinh 1	1	12.000	12.000									
151	Máy vi tính học sinh	Phòng vi tính	40	460.800		460.800	368.640							x
152	Máy vi tính Pentium R4 3.00 GHZ	Phòng giám thị	1	8.000	8.000									
153	Máy vi tính Server	Phòng vi tính học sinh 2	1	10.000	10.000									
154	Máy vi tính Server	Phòng vi tính học sinh 1	1	10.000	10.000									
155	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
156	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
157	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
158	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
159	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 1	1	9.000	9.000									
160	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
161	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 1	1	9.000	9.000									
162	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
163	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
164	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
165	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
166	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 1	1	9.000	9.000									
167	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
168	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
169	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
170	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
171	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
172	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 1	1	9.000	9.000									
173	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
174	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
175	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
176	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
177	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
178	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 1	1	9.000	9.000									
179	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
180	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
181	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
182	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
183	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 1	1	9.000	9.000									
184	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
185	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
186	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
187	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
188	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
189	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
190	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
191	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 1	1	9.000	9.000									
192	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 1	1	9.000	9.000									
193	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
194	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
195	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
196	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 1	1	9.000	9.000									
197	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
198	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
199	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
200	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 1	1	9.000	9.000									
201	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
202	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
203	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 1	1	9.000	9.000									
204	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 1	1	9.000	9.000									
205	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 1	1	9.000	9.000									
206	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 1	1	9.000	9.000									
207	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
208	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 1	1	9.000	9.000									
209	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
210	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 1	1	9.000	9.000									
211	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 1	1	9.000	9.000									
212	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 1	1	9.000	9.000									
213	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
214	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
215	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
216	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
217	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 1	1	9.000	9.000									

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
218	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
219	Máy vi tính trạm	Phòng vi tính học sinh 2	1	9.000	9.000									
220	Nguồn Laser có phim quang học	PHÒNG BỘ MÔN LÝ	1	13.500		13.500	11.813							x
221	Nhà cấp 3	Trường THPT Củ Chi	1	20.842.025	20.842.025		20.008.344							x
222	Phần mềm kế toán Misa	Phòng kế toán	1	12.000		12.000	12.000							
223	Phần mềm xuất hoá đơn điện tử	Phòng kế toán	1	11.275		11.275	11.275							
224	Salon	Phòng hiệu trưởng	1	20.000	20.000									
225	Thiết bị giảng dạy tương tác	Phòng nghe nhìn 1	1	180.845	180.845									
226	Thiết bị giảng dạy tương tác	Phòng Lab	1	180.845	180.845									
227	Thiết bị giảng dạy tương tác	Phòng thí nghiệm lý	1	180.845	180.845									
228	Thiết bị giảng dạy tương tác	Phòng vi tính học sinh 3	1	180.845	180.845									
229	Thiết bị giảng dạy tương tác	Phòng công nghệ	1	180.845	180.845									
230	Thiết bị giảng dạy tương tác	Phòng thí nghiệm sinh	1	180.845	180.845									
231	Thiết bị xử lý dữ liệu và hiển thị kết quả thí nghiệm	PHÒNG BỘ MÔN SINH	1	49.500		49.500	44.550		x					
232	Thiết bị xử lý dữ liệu và hiển thị kết quả thí nghiệm	PHÒNG BỘ MÔN HOÁ	1	49.500		49.500	43.313							x
233	Thiết bị xử lý dữ liệu và hiển thị kết quả thí nghiệm	PHÒNG BỘ MÔN LÝ	1	49.500		49.500	39.600							x
234	Ti vi	Phòng họp trực tuyến	1	29.800	29.800									
235	Ti vi summy	Phòng học 311	1	18.182		18.182	14.545							x
236	Ti vi summy	Phòng học 112	1	18.182		18.182	14.545							x
237	Ti vi summy	Phòng học 313	1	18.182		18.182	14.545							x
238	Ti vi summy	Phòng học 211	1	18.182		18.182	14.545							x
239	Ti vi summy	Phòng học 214	1	18.182		18.182	14.545							x
240	Ti vi summy	Phòng học 213	1	18.182		18.182	14.545							x



STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng							
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
241	Ti vi summy	Phòng học 310	1	18.182		18.182	14.545							x
242	Ti vi summy	Phòng học 212	1	18.182		18.182	14.545							x
243	Ti vi summy	Phòng học 113	1	18.182		18.182	14.545							x
244	Ti vi summy	Phòng học 215	1	18.182		18.182	14.545							x
245	Ti vi summy	Phòng học 111	1	18.182		18.182	14.545							x
246	Ti vi summy	Phòng học 115	1	18.182		18.182	14.545							x
247	Ti vi summy	Phòng học 314	1	18.182		18.182	14.545							x
248	Ti vi summy	Phòng học 315	1	18.182		18.182	14.545							x
249	Ti vi summy	Phòng học 312	1	18.182		18.182	14.545							x
250	Ti vi summy	Phòng học 114	1	18.182		18.182	14.545							x
	Tổng cộng		308	26.462.129	24.651.427	1.810.702	21.594.290							

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)



Ngày 28 tháng 01 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Hoàng Linh



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số 09d-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Củ Chi

Mã đơn vị: 1073929

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2022

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác															

Ngày 28 tháng 01 năm 2023

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Hoàng Linh

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số 10a-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Củ Chi

Mã đơn vị: 1073929

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2022

DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m²; Nguyên giá là: Nghìn đồng.

STT	TÀI SẢN	ĐẦU TƯ XÂY DỰNG/MUA SẮM			TIẾP NHẬN			THUÊ		
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trường THPT Củ Chi - Mã QHNS: 1073929	16		290.909	1		118.000			
	1 - Đất khuôn viên									
	2 - Nhà									
	3 - Xe ô tô									
	4 - Tài sản cố định khác	16		290.909	1		118.000			
	Tổng cộng	16		290.909	1		118.000			

Người lập báo cáo

(Ký và ghi rõ họ tên)



Củ Chi..., ngày 28 tháng 04 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Hoàng Linh

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Củ Chi
Mã đơn vị: 1073929
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 10b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG
Năm 2022

STT	TÀI SẢN	TỔNG CỘNG		HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG						
		SỐ LƯỢNG	DIỆN TÍCH	Quản lý nhà nước	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trường THPT Củ Chi - Mã QHNS: 1073929									
	1 - Đất khuôn viên	20.706	20.706		19.575		1.131			
	2 - Nhà	15.956	15.956		15.956					
	3 - Xe ô tô									
	4 - Tài sản cố định khác	308		198	109					1
	Tổng cộng	36.970								

Củ Chi, ngày 28 tháng 01 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Hoàng Linh

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Củ Chi
Mã đơn vị: 1073929
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 10c-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2022

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2; Nguyên giá là: Nghìn đồng.

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Thu hồi				Điều chuyển				Bán				Thanh lý				Tiêu hủy				Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại				Ghi chú
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
1	 - Mã QHNS:																									
	Tổng cộng																									

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)



Ngày 18 tháng 01 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Hoàng Linh

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở giáo dục và đào tạo Thành Phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Củ Chi
Mã đơn vị: 1073929
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 10d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2022

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m2; Nguyên giá/Giá trị còn lại/Số tiền thu được là: Nghìn đồng.

STT	TÀI SẢN	KINH DOANH				CHO THUÊ				LIÊN DOANH, LIÊN KẾT			
		Số lượng/diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số tiền thu được từ việc kinh doanh trong năm	Số lượng/diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số tiền thu được từ việc cho thuê tài sản trong năm	Số lượng/diện tích	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số tiền thu được từ việc liên doanh, liên kết trong năm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	- Mã QHNS:												
	Tổng cộng												

Củ Chi, ngày 28 tháng 01 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Hoàng Linh